

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 024.6276 5555
Fax : 024.6276 5556
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,
Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888
Fax

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý IV năm 2020

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường
dẫn: <https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin


Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo tài chính Quý IV năm 2021.

Kj

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		2,522,774,400,035	1,619,716,434,001
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	331,894,343,008	186,805,045,359
1. Tiền	111		331,894,343,008	186,805,045,359
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	533,582,336,272	458,764,868,805
1. Đầu tư ngắn hạn	121		558,399,670,343	469,821,295,647
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(24,817,334,071)	(11,056,426,842)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,063,958,437,855	696,212,376,121
1. Phải thu khách hàng	131		786,719,709,637	381,097,773,016
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	244,963,293,316	130,926,717,083
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	541,756,416,321	250,171,055,933
2. Trả trước cho người bán	132		12,170,598,512	2,704,529,265
3. Các khoản phải thu khác	135	9	310,038,378,191	381,503,536,191
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(44,970,248,485)	(69,093,462,351)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		51,667,297,571	27,296,386,482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	51,585,272,682	25,563,290,727
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		48,941,062,751	24,252,197,390
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		2,644,209,931	1,311,093,337
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82,024,889	889,458,110
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	843,637,645
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	541,671,985,329	250,637,757,234
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		247,996,452,380	98,891,260,017
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		293,675,532,949	151,746,497,217
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		397,975,374,932	456,447,969,946
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12,725,497,074	11,751,005,196
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	12,725,497,074	11,751,005,196
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		5,725,497,074	4,751,005,196
II. Tài sản cố định	220		7,359,231,868	7,467,560,756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,253,410,857	6,252,938,127
<i>Nguyên giá</i>	222		21,134,675,858	22,107,926,594
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15,881,265,001)	(15,854,988,467)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	2,105,821,011	1,214,622,629
<i>Nguyên giá</i>	228		4,009,054,959	2,787,259,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,903,233,948)	(1,572,636,371)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	345,607,649,589	432,483,444,063
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	231,825,681,850
2. Đầu tư dài hạn khác	258		290,535,000,000	201,135,112,624
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(477,350,411)	(477,350,411)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		32,282,996,401	4,745,959,931
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		32,282,996,401	4,745,959,931
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2,920,749,774,967	2,076,164,403,947

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,885,731,804,475	1,251,493,131,959
I. Nợ ngắn hạn	310		1,883,744,559,446	1,249,655,003,665
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		250,929,674,398	166,213,350,009
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	247,388,959,022	159,628,331,135
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		3,540,715,376	6,585,018,874
3. Người mua trả tiền trước	313		8,357,025,996	8,305,362,176
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	16,231,589,198	9,747,897,170
5. Phải trả người lao động	315		65,855,273,052	51,601,762,735
6. Chi phí phải trả	316		15,800,000	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	14,710,671,215	2,759,503,871
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	67,606,133,602	21,093,491,171
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46,762,725	20,702,443
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,459,991,629,260	989,912,934,090
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		909,583,442,482	621,164,443,723
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm	329.2	và	481,362,092,163	312,227,934,234
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		69,046,094,615	56,520,556,133
II. Nợ dài hạn	330		1,987,245,029	1,838,128,294
1. Phải trả dài hạn khác	333		16,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,971,245,029	1,832,128,294
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,035,017,970,492	824,671,271,988
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,035,017,970,492	824,671,271,988
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		12,204,899,645	11,684,211,706
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22,813,070,847	12,987,060,282
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2,920,749,774,967	2,076,164,403,947

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***MẪU SỐ B 02a-DNPNT***Đơn vị: VND***PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	364,161,194,454	267,573,412,070	1,200,992,507,275	890,805,511,352
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	164,693,266,705	118,816,368,865	225,772,060,619	206,200,476,022
3. Thu nhập khác	13	861,284,924	356,900,883	1,918,141,117	1,809,882,167
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	380,431,941,819	282,442,491,352	1,192,106,799,213	877,323,813,377
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	11,419,411,598	40,632,724,117	(5,203,669,589)	44,819,565,771
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	129,079,033,377	58,262,307,183	228,889,006,507	168,154,295,654
7. Chi phí khác	24	790,740,567	55,535,221	891,435,662	107,150,584
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	7,994,618,722	5,353,623,946	11,999,137,218	8,411,044,156
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	6,409,240,290	5,988,032,120	10,413,758,786	8,407,431,876

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MÃ SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019 (Phân loại lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	440,857,149,989	311,234,485,752	1,458,830,180,372	1,063,360,072,787
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		515,958,977,339	354,443,120,592	1,709,414,639,201	1,180,213,875,466
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		12,697,186,815	10,528,116,330	37,834,539,930	29,999,365,184
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		87,799,014,165	53,736,751,170	288,418,998,759	146,853,167,863
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	94,437,778,329	59,637,165,821	345,584,538,781	229,698,198,141
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		144,708,507,584	46,679,903,341	494,689,731,144	190,904,993,956
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		50,270,729,255	(12,957,262,480)	149,105,192,363	(38,793,204,185)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		346,419,371,660	251,597,319,931	1,113,245,641,591	833,661,874,646
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		17,741,822,794	15,976,092,139	87,746,865,684	57,143,636,706
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		17,703,092,268	15,928,931,244	87,145,492,033	57,000,640,751
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		38,730,526	47,160,895	601,373,651	142,995,955
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		364,161,194,454	267,573,412,070	1,200,992,507,275	890,805,511,352
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		238,428,323,948	149,237,132,212	620,426,203,419	460,614,505,274
- Tổng chi bồi thường	11.1		238,428,323,948	149,237,132,212	620,426,203,419	460,614,505,274
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		105,472,088,370	34,442,258,784	207,257,566,619	132,642,472,965
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		13,882,029,073	391,194,799	169,134,157,929	(36,209,457,301)
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(4,634,904,690)	6,173,729,445	141,929,035,732	(58,237,958,592)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	151,473,169,341	109,012,338,782	440,373,758,997	350,000,533,600
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		3,840,108,638	3,182,913,280	12,525,538,482	10,193,082,264
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	225,118,663,840	170,247,239,290	739,207,501,734	517,130,197,513
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		18,790,619,879	11,815,194,559	60,535,510,266	40,103,191,724
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		206,328,043,961	158,432,044,731	678,671,991,468	477,027,005,789
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		380,431,941,819	282,442,491,352	1,192,106,799,213	877,323,813,377
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		(16,270,747,365)	(14,869,079,282)	8,885,708,062	13,481,697,976

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2020	Quý 4 năm 2019 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2019
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	164,693,266,705	118,816,368,865	225,772,060,619	206,200,476,022
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	11,419,411,598	40,632,724,117	(5,203,669,589)	44,819,565,771
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		153,273,855,107	78,183,644,748	230,975,730,208	161,380,910,251
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	129,079,033,377	58,262,307,183	228,889,006,507	168,154,295,654
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		7,924,074,365	5,052,258,284	10,972,431,763	6,708,312,573
20. Thu nhập khác	31		861,284,924	356,900,883	1,918,141,117	1,809,882,167
21. Chi phí khác	32		790,740,567	55,535,221	891,435,662	107,150,584
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		70,544,357	301,365,662	1,026,705,455	1,702,731,583
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7,994,618,722	5,353,623,946	11,999,137,218	8,411,044,156
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,585,378,432	(634,408,174)	1,585,378,432	3,612,280
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6,409,240,290	5,988,032,120	10,413,758,786	8,407,431,876

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	665,456,517,242	528,497,746,307	2,264,217,713,222	1,839,357,840,338
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(543,468,522,388)	(351,037,926,983)	(1,819,127,279,054)	(1,254,955,471,387)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(58,254,822,204)	(44,798,567,134)	(225,372,740,948)	(155,937,181,053)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-	-	(766,049,130)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19,846,827,448	216,787,835,809	95,247,639,473	235,870,115,067
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(46,368,283,845)	(333,089,967,804)	(161,785,319,835)	(413,882,865,041)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	37,211,716,253	16,359,120,195	153,180,012,858	249,686,388,794
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33,909,091)	(1,189,935,650)	(5,411,138,318)	(2,404,248,550)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-	5,764,465	1,005,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(292,250,000,000)	(149,000,000,000)	(430,750,003,376)	(456,500,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	84,000,000,000	167,000,000,000	352,500,000,000	446,009,455,898
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	(174,374,500,000)	(192,239,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-	-	1,618,887,376
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,376,560,606	18,520,767,069	50,024,725,559	36,807,412,649
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(201,907,348,485)	35,330,831,419	(208,005,151,670)	(165,702,492,627)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	200,000,000,000	-	200,000,000,000	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(33,286,256)	-	(33,286,256)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	199,966,713,744	-	199,966,713,744	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	35,271,081,512	51,689,951,614	145,141,574,932	83,983,896,167
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	296,634,163,010	140,189,470,577	186,805,045,359	107,917,551,189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(10,901,514)	(68,089,832)	(52,277,283)	(90,114,997)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	331,894,343,008	191,811,332,359	331,894,343,008	191,811,332,359

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 1399 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 982 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và bốn mươi (43) Công ty trực thuộc, bao gồm: Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ, Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất, Bảo hiểm Hàng không Thành Đô, Bảo hiểm Hàng không Bến Thành, Bảo hiểm Hàng không Long An, Sở Giao dịch, Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc, Bảo hiểm Hàng không Trà An, Bảo hiểm Hàng không Hà Thành, Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; Bảo hiểm Hàng không Huế; Bảo hiểm Hàng không Duyên Hải; Bảo hiểm Hàng không Bình Dương; Bảo hiểm Hàng không Âu Lạc; Bảo Hiểm Hàng Không Gia Định; Bảo hiểm Hàng Không Kinh Đô; Bảo hiểm Hàng Không Vạn Xuân; Bảo hiểm Hàng không Hà Tuyên; Bảo hiểm Hàng Không Lâm Đồng và Bảo hiểm Hàng Không Nam Định.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left[\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right] \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2020</u> (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- *Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)*

Áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- *Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dưới 01 năm)*

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	4,403,386,664	2,024,304,854
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	327,490,956,344	184,778,918,905
Tiền đang chuyển	-	1,821,600
Các khoản tương đương tiền (i)	-	-
	331,894,343,008	186,805,045,359

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	558,399,670,343	(24,817,334,071)	469,821,295,647	(11,056,426,842)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>255,899,670,343</i>	<i>(24,817,334,071)</i>	<i>165,321,295,647</i>	<i>(11,056,426,842)</i>
- Tổng giá trị cổ phiếu	255,899,670,343	(24,817,334,071)	165,321,295,647	(11,056,426,842)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>302,500,000,000</i>	<i>-</i>	<i>304,500,000,000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	302,500,000,000	-	304,500,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	346,085,000,000	(477,350,411)	432,960,794,474	(477,350,411)
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>10,000,000,000</i>	<i>-</i>	<i>15,000,000,000</i>	<i>-</i>
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	10,000,000,000	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	15,000,000,000	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>92,540,000,000</i>	<i>(477,350,411)</i>	<i>268,815,681,850</i>	<i>(477,350,411)</i>
- Đầu tư vào công ty liên kết	55,550,000,000	-	231,825,681,850	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	36,990,000,000	(477,350,411.00)	36,990,000,000	(477,350,411)
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>243,545,000,000</i>	<i>-</i>	<i>149,145,112,624</i>	<i>-</i>
- Đầu tư mua cổ phiếu OTC	243,545,000,000	-	149,145,112,624	-

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	88,827,775,546	51,112,608,042
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	82,257,595,248	47,447,473,533
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	6,570,180,298	3,665,134,509
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	12,708,135,593	14,734,175,704
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	139,548,414,159	61,297,356,761
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	1,608,422,229	2,029,564,637
d) Phải thu về hoạt động môi giới bảo hiểm	536,353,737	-
e) Phải thu khác	1,734,192,052	1,753,011,939
	244,963,293,316	130,926,717,083

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	503,396,517,000	211,806,084,000
Phải thu khác	-	5,072,612
	541,756,416,321	250,171,055,933

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn	310,038,378,191	381,503,536,191
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40,772,512	98,007,331
Tạm ứng	2,195,219,312	2,591,018,006
Phải thu ngắn hạn khác	307,802,386,367	378,814,510,854
b) Dài hạn	12,725,497,074	11,751,005,196
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	5,725,497,074	4,751,005,196
	322,763,875,265	393,254,541,387

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT**10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN**

Nội dung	Từ 6 tháng đến	Từ 1 năm đến	Từ 2 năm đến	Từ 3 năm	Cộng
	dưới 1 năm	dưới 2 năm	dưới 3 năm	trở lên	
	VND	VND	VND	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	992,000,018	562,268,924	274,721,455	3,974,135,054	5,803,125,451
Phải thu tái bảo hiểm	1,147,340,212	597,731,588	22,819,524	321,274,421	2,089,165,745
Nợ khác	26,422,343	91,689,924		831,087,014	949,199,281
Cộng	2,165,762,573	1,251,690,436	297,540,979	5,126,496,489	8,841,490,477

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	47,201,389,798	44,970,248,485	94,958,255,535	69,093,462,351
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T			50,000,000,000	25,000,000,000
Các đối tượng khác	8,841,490,477	6,610,349,164	6,598,356,214	5,733,563,030

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	24,252,197,390	19,196,393,606
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	42,828,523,780	23,990,888,131
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	18,139,658,419	18,935,084,347
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	48,941,062,751	24,252,197,390
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2,644,209,931	1,311,093,337
	51,585,272,682	25,563,290,727

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	247,996,452,380	98,891,260,017
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	293,675,532,949	151,746,497,217
	541,671,985,329	250,637,757,234

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	7,696,782,594	14,411,144,000	22,107,926,594
Mua sắm mới	-	947,575,040	947,575,040
Thanh lý, nhượng bán	(1,881,830,776)	(38,995,000)	(1,920,825,776)
Số dư cuối kỳ	5,814,951,818	15,319,724,040	21,134,675,858
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,434,786,259	11,420,202,208	15,854,988,467
Trích khấu hao	798,994,437	854,316,295	1,653,310,732
Thanh lý, nhượng bán	(1,588,039,198)	(38,995,000)	(1,627,034,198)
Số dư cuối kỳ	3,645,741,498	12,235,523,503	15,881,265,001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	3,261,996,335	2,990,941,792	6,252,938,127
Tại ngày cuối kỳ	2,169,210,320	3,084,200,537	5,253,410,857

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	2,787,259,000	2,787,259,000
Tăng do mua sắm	1,221,795,959	1,221,795,959
Số dư cuối kỳ	4,009,054,959	4,009,054,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	1,572,636,371	1,572,636,371
Trích khấu hao	330,597,577	57,027,489
Số dư cuối kỳ	1,903,233,948	1,903,233,948
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	1,214,622,629	1,214,622,629
Tại ngày cuối kỳ	2,105,821,011	2,105,821,011

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	199,437,288,687	106,944,117,445
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	5,672,364,976	2,622,217,567
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	30,223,575,127	43,895,327,184
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	4,050,846,912	2,723,221,994
e) Phải trả khác	8,004,883,320	3,443,446,945
	247,388,959,022	159,628,331,135

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a. Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	843,637,645
Cộng	-	843,637,645
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
b. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	14,787,588,911	9,112,490,271
Thuế thu nhập doanh nghiệp	741,740,787	-
Thuế thu nhập cá nhân	485,332,851	428,252,949
Thuế nhà thầu nước ngoài	54,699,989	55,057,804
Thuế, phí phải nộp khác	162,226,660	152,096,146
	16,231,589,198	9,747,897,170

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	21,093,491,171	37,375,138,555
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	66,120,714,559	18,784,324,580
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(19,608,072,128)	(35,065,971,964)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	67,606,133,602	21,093,491,171
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả bảo hiểm xã hội	72,181,964	46,483,579
Phải trả bảo hiểm y tế	20,299,707	15,317,608
Phải trả kinh phí công đoàn	1,347,376,838	829,911,787
Phải trả các cổ đông	5,736,769,014	214,413,900
Phải trả khác	7,534,043,692	1,653,376,997
	14,710,671,215	2,759,503,871

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	481,362,092,163	293,675,532,949	187,686,559,214
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	428,945,110,964	278,834,920,950	150,110,190,014
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	52,416,981,199	14,840,611,999	37,576,369,200
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	909,583,442,482	247,996,452,380	661,586,990,102
Cộng	1,390,945,534,645	541,671,985,329	849,273,549,316

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2020		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	312,227,934,234	151,746,497,217	160,481,437,017
Số trích lập trong kỳ	169,134,157,929	141,929,035,732	27,205,122,197
Số dư cuối kỳ	481,362,092,163	293,675,532,949	187,686,559,214

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2020		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	621,164,443,723	98,891,260,017	522,273,183,706
Số trích lập trong kỳ	288,418,998,759	149,105,192,363	139,313,806,396
Số dư cuối kỳ	909,583,442,482	247,996,452,380	661,586,990,102

3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu kỳ	56,520,556,133	46,327,473,869
Số trích lập thêm trong kỳ	12,525,538,482	10,193,082,264
Số dư cuối kỳ	69,046,094,615	56,520,556,133

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2019	800,000,000,000	11,263,840,112	5,295,832,637	816,559,672,749
Tăng vốn trong kỳ				
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8,407,431,876	8,407,431,876
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	420,371,594	(420,371,594)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(295,832,637)	(295,832,637)
Chi trả cổ tức cho cổ đông	-	-		
Số dư tại ngày 31/12/2019	800,000,000,000	11,684,211,706	12,987,060,282	824,671,271,988
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2020	800,000,000,000	11,684,211,706	12,987,060,282	824,671,271,988
Tăng vốn trong kỳ	200,000,000,000	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	10,413,758,786	10,413,758,786
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	520,687,939	(520,687,939)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(67,060,282)	(67,060,282)
Số dư tại ngày 31/12/2020	1,000,000,000,000	12,204,899,645	22,813,070,847	1,035,017,970,492

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	1,710,567,766,299	1,181,568,393,052
Bảo hiểm hàng không	13,505,510,988	8,910,060,508
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	220,032,078,002	90,028,271,784
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	70,325,217,504	50,172,270,272
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	48,926,848,101	38,555,780,362
Bảo hiểm xe cơ giới	1,173,406,429,550	822,538,231,699
Bảo hiểm cháy nổ	131,591,768,842	92,206,912,978
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	43,531,086,635	72,993,460,385
Bảo hiểm trách nhiệm chung	7,857,278,551	5,808,422,255
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,391,548,126	354,982,809
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(1,153,127,098)	(1,354,517,586)
Phí nhận tái bảo hiểm	37,879,493,260	30,000,361,722
Bảo hiểm hàng không	5,883,202	-
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	15,065,388,007	14,275,023,606
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	16,143,175,628	8,173,077,908
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	1,379,706,351	2,078,883,038
Bảo hiểm xe cơ giới	68,425,950	38,493,182
Bảo hiểm cháy nổ	3,845,138,750	1,616,656,856
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,237,086,577	3,766,308,597
Bảo hiểm trách nhiệm chung	82,779,297	10,066,510
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	51,909,498	41,852,025
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(44,953,330)	(996,538)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(288,418,998,759)	(146,853,167,863)
	1,458,830,180,372	1,063,360,072,787

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	494,689,731,144	190,904,993,956
Bảo hiểm hàng không	12,519,600,500	7,696,714,594
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	14,871,318,449	3,303,880,901
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	49,653,262,535	32,109,522,501
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	30,200,079,379	24,809,277,741
Bảo hiểm xe cơ giới	258,755,964,225	5,658,132,675
Bảo hiểm cháy nổ	96,608,227,969	68,455,880,260
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	27,403,852,080	46,471,472,543
Bảo hiểm trách nhiệm chung	3,530,775,661	2,084,636,998
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,146,650,346	315,475,743
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(149,105,192,363)	38,793,204,185
	345,584,538,781	229,698,198,141

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	620,426,203,419	460,614,505,274
Bảo hiểm hàng không	12,542,210,140	19,322,261,751
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	43,633,019,123	36,501,112,192
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	26,573,957,758	26,417,416,416
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	52,395,932,757	16,966,500,138
Bảo hiểm xe cơ giới	391,236,057,368	329,857,922,925
Bảo hiểm cháy nổ	86,677,161,306	26,549,161,850
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	6,908,728,855	4,920,265,568
Bảo hiểm trách nhiệm chung	459,136,112	79,864,434
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
Chi phí giám định tổn thất		
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(207,257,566,619)	(132,642,472,965)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	169,134,157,929	(36,209,457,301)
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(141,929,035,732)	58,237,958,592
	440,373,758,997	350,000,533,600

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	60,535,510,266	40,103,191,724
Chi đòi người thứ ba	35,729,274	31,319,818
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	40,468,184	215,116,206
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	36,207,410	74,616,450
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	6,159,268,365	5,130,365,208
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	479,226,747,672	337,726,162,859
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	191,954,254,602	133,440,342,026
Chi khác	1,219,315,961	409,083,222
	739,207,501,734	517,130,197,513

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22,704,701,307	25,786,658,765
Lãi đầu tư trái phiếu	707,105,503	1,464,041,096
Lãi kinh doanh chứng khoán	162,783,330,838	124,809,406,872
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,098,190,767	9,170,060,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,937,634,941	693,530,782
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	14,958,904,109
Doanh thu hoạt động tài chính khác	31,541,097,263	29,317,874,398
	225,772,060,619	206,200,476,022

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(11,239,092,771)	35,797,186,727
Chi phí kinh doanh chứng khoán	5,706,068,844	7,267,734,626
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	313,554,338	120,946,782
Chi phí hoạt động tài chính khác	15,800,000	1,633,697,636
	(5,203,669,589)	44,819,565,771

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2020	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý 4/2019 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	128,532,330,548	111,444,837,844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87,037,859,766	44,403,465,945
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	876,786,134	1,456,787,513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,983,908,309	1,701,063,896
Chi phí dụng cụ văn phòng	5,474,728,145	4,407,422,724
Chi phí vật liệu quản lý	3,169,175,382	2,857,123,046
Thuế, phí và lệ phí	913,968,035	577,339,764
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	433,397,603	478,068,724
Chi phí quản lý khác	466,852,585	828,186,198
	228,889,006,507	168,154,295,654

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	11,999,137,218	8,411,044,156
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5,008,780,406)	(9,170,060,000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	936,535,348	777,077,244
Thu nhập chịu thuế	7,926,892,160	18,061,400
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1,585,378,432	3,612,280


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2021

